TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LÂM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Bản án số: **194**/2025/HNGĐ-ST
Ngày 12 tháng 05 năm 2025
V/v: Tranh chấp ly hôn, con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LÂM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Minh Ngọc
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Văn Thoại
Ông Nguyễn Quang Hiển

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Huyền Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Gia Lâm tham gia phiên tòa: Bà Trần Thanh Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 05 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 131/2025/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 04 năm 2025 về Tranh chấp ly hôn và con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2025/QĐXX- HNGĐ, ngày 24 tháng 04 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **LMP**, sinh năm 1995
HKTT: 132 tổ 7b, phường T, quận Đ, thành phố H.
Nơi tạm trú: Số 6 ngách 367/102 N.X.Q, thị trấn T, huyện G, thành phố H.
- *Bị đơn*: Anh **BQQ**, sinh năm 1990
HKTT: Thôn Đ, xã N, huyện K, tỉnh T.
Nơi tạm trú: Số 8 ngõ Đ.Đ.C, TDP A.Đ, thị trấn T, huyện G, thành phố H.
(Hiện đang chấp hành án tại Trại giam số 3 – Bộ Công an; địa chỉ: Xã Nghĩa Dũng, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An).
(Chị P, anh Q vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn chị LMP trình bày có nội dung được tóm tắt như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh BQQ kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, quận Đ, thành phố H ngày 06/3/2017.

Sau khi kết hôn anh chị chung sống hòa thuận đến năm 2020 thì mâu thuẫn do anh BQQ chơi bời, nợ nần, cờ bạc. Đến năm 2022 thì mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng do anh Q không thay đổi được. Đến tháng 10 năm 2022 thì vợ chồng anh chị ly thân, không còn ở chung với nhau nữa. Sau đó anh Q phạm tội, bị bắt tạm giam và đi chấp hành án từ đó cho đến nay. Nay chị LMP xác định tình cảm không còn và yêu cầu được ly hôn với anh BQQ.

Về con chung: Chị LMP xác định anh Q và chị P có 02 con chung là BTC, sinh ngày 01/12/2017 và BĐH, sinh ngày 28/11/2020. Hiện nay các con đang ở cùng chị P. Khi ly hôn, chị P có nguyện vọng được là người trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cả 02 con chung của anh chị. Chị P không yêu cầu anh Q phải đóng tiền cấp dưỡng nuôi con. Ngoài 02 người con chung, anh chị không có con riêng hay con chung hay con nuôi nào khác.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức và công nợ: Chị LMP xác định không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị Phương không yêu cầu Toà án giải quyết vấn đề nào khác.

- Tại bản tự khai bị đơn anh BQQ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị LMP kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, quận Đ, thành phố H ngày 6/3/2017. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hòa thuận đến năm 2020 thì mâu thuẫn do anh làm ăn thua lỗ, nợ nần nhiều. Đến năm 2022 thì mâu thuẫn càng trở nên trầm trọng hơn do anh không có công việc ổn định. Sau đó anh bị bắt giam cho đến nay. Nay chị LMP có đơn đề nghị xin ly hôn với anh, anh xác định mục đích hôn nhân không đạt được trong quá trình chung sống cùng chị P, do đó anh đồng ý ly hôn với chị P.

Về con chung: Anh BQQ xác định anh Q và chị P có 02 con chung là BTC, sinh ngày 01/12/2017 và BĐH, sinh ngày 28/11/2020. Hiện nay các con đang ở cùng chị P. Khi ly hôn, anh đồng ý để chị P là người trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cả 02 con chung của anh chị trong thời gian anh đang chấp hành án, sau khi kết thúc thời gian chấp hành án phạt tù xong anh và chị P sẽ thỏa thuận lại về quyền nuôi 02 con. Ngoài 02 người con chung, anh chị không có con riêng hay con chung hay con nuôi nào khác. Về cấp dưỡng nuôi con anh chị tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức và công nợ: Anh xác định anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, anh Q không yêu cầu hay đề nghị Toà án giải quyết vấn đề nào khác

Tại phiên tòa :

Anh Bùi Văn Quý và chị LMP vắng mặt và có đơn xin xử vắng mặt nên không có lời trình bày tại phiên tòa.

Commented [TN1]: Bùi Quang Quý

Đại điện viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lâm phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán và Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử đều thực hiện đúng các quy định của pháp luật về thủ tục Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm trước khi Hội đồng xét xử nghị án. Người tham gia tố tụng tại phiên tòa, Nguyên đơn, bị đơn đều đã chấp hành đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm trước khi Hội đồng xét xử nghị án.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30.12.2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị LMP với anh BQQ.

Về con chung: Chấp nhận nguyện vọng của chị LMP và anh BQQ cũng như nguyện vọng của các con chung của anh chị đã trình bày: để chị P là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung của anh chị là cháu BTC, sinh ngày 01/12/2017 và BĐH, sinh ngày 28/11/2020. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của anh BQQ cho đến khi các con của anh chị trưởng thành, đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác về nuôi con, cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thẩm quyền*: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28 – Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân. Bị đơn là anh BQQ có nơi tạm trú hiện tại thuộc địa phận huyện Gia Lâm, căn cứ vào Điều 35, Điều 39 và Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền của tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị LMP và anh BQQ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân phường T, quận Đ, thành phố H ngày 06/03/2017. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[3]. *Về nguyên nhân mâu thuẫn*: Căn cứ vào những lời khai của chị LMP, anh BQQ thể hiện:

Quá trình chung sống, vợ chồng anh Q, chị P đã phát sinh nhiều mâu thuẫn từ năm 2020, đến năm 2022 thì mâu thuẫn trở nên trầm trọng, vợ chồng anh chị ly thân từ tháng 10/2022 đến nay. Nguyên nhân là do anh Q không có việc làm ổn định, làm ăn thua lỗ, nợ nần nhiều. Căn cứ vào lời khai của chị P thể hiện: nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng xuất phát từ việc anh Q ham vui bạn bè, chơi bời cờ bạc, nợ nần nhiều dẫn đến vợ chồng to tiếng cãi nhau; vợ chồng anh chị đã nhiều lần cố gắng khắc phục hàn gắn nhưng không thành. Bản thân anh Q bị bắt giam và hiện nay đang thi hành án về tội "Tham ô tài sản". Anh Q và chị P đều xác định tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên cùng đồng ý ly hôn.

Xét thấy: Mâu thuẫn giữa anh Q và chị P là có thật, hai bên đã sống ly thân nhưng không có biện pháp để khắc phục tình cảm vợ chồng.

Theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân gia đình quy định: "*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình"*. Thấy rằng, mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị đã trầm trọng, anh Q và chị P đều xác định tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, khả năng đoàn tụ không còn, duy trì hôn nhân cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai bên nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị P đối với anh Q.

[4]. *Về con chung*: Căn cứ vào lời khai của anh Q, chị P và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ xác định: anh Q và chị P có 02 con chung với nhau là: BTC, sinh ngày 01/12/2017 và BĐH, sinh ngày 28/11/2020.

Quá trình giải quyết ly hôn, chị P trình bày đề nghị Tòa án giao 02 con chung của anh chị cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Căn cứ vào bản tự khai của con chung của anh chị đã trình bày: cháu BTC có nguyện vọng được ở với mẹ (chị P), cháu BĐH sinh ngày 28/11/2020 còn nhỏ nên không có lời trình bày. Bản thân anh Q xác nhận đồng ý để chị P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả 02 con chung của anh chị.

Xét thấy, đề nghị của chị P phù hợp với nguyện vọng của các con chung của anh chị, phù hợp với ý chí của anh Q. Do đó có cơ sở chấp nhận đề nghị của chị P: Giao cháu BTC và BĐH cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Chị P không yêu cầu anh Q phải có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị, anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Do đó, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của anh Q cho đến khi các con của anh chị trưởng thành, đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác về nuôi con, cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật

[5]. *Về tài sản chung vợ chồng và nợ chung vợ chồng*: Do không có đương sự nào yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét. Các đương sự có quyền khởi kiện bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

[6]. *Về án phí*: Chị P phải chịu án phí ly hôn theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30.12.2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30.12.2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Luật thi hành án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị LMP với anh BQQ. Chị LMP được ly hôn với anh BQQ.

Quan hệ hôn nhân chấm dứt kể từ ngày bản án ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cháu BTC, sinh ngày 01/12/2017 và cháu BĐH, sinh ngày 28/11/2020 cho chị LMP là mẹ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dương nuôi con chung của anh Q cho đến khi các con chung của anh chị trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác về nuôi con, cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: chị LMP phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chị P đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu ký hiệu BLTU/2023 số 0065900 ngày 27/03/2025 tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện Gia Lâm nay được chuyển thành án phí ly hôn.

Án xử công khai sơ thẩm. Chị LMP, anh BQQ vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi gửi:
- Những người tham gia tố tụng
- Toà án nhân dân TP Hà Nội
- VKSND TP.Hà Nội
- VKSND huyện Gia Lâm
- T.H.A DS huyện Gia Lâm
- UBND phường Trung Liệt, Đống Đa, HN (ĐKKH số 30, ngày 06/03/2017)
- Lưu hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Minh Ngọc